

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKII - MÔN: LỊCH SỬ 10

Năm học: 2022 - 2023

BÀI 18: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Khái niệm:

- Văn minh Đại Việt còn gọi văn minh Thăng Long, là những giá trị vật chất tinh thần được tạo ra trong kỉ nguyên độc lập tự chủ của nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.

2. Cơ sở hình thành:

- Kế thừa, phát huy từ nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- Trải qua các triều đại phong kiến, nhân dân Đại Việt đã không ngừng sáng tạo, phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng,...để ngày càng khẳng định vị thế của đất nước.
- Cương vực lãnh thổ từng bước mở rộng, từ Nam Quan đến Cà Mau, từ đất liền ra biển đảo.
- Nền độc lập được bảo vệ vững chắc.
- Tiếp thu có chọn lọc văn minh Trung Quốc, Ấn Độ để làm giàu văn minh Đại Việt.

→ *Văn minh Đại Việt hình thành dựa trên nhiều cơ sở, quan trọng nhất nhân dân Đại Việt đã không ngừng sáng tạo, xây dựng nên nền văn minh rực rỡ trong thời kì độc lập, tự chủ.*

3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt:

- Giai đoạn thế kỉ X- đầu XI: trải qua chính quyền họ Khúc, Dương và Ngô – Đinh – Tiền Lê. Giai đoạn văn minh Đại Việt được định hình.
- Giai đoạn thế kỉ XI – XVI: các triều đại Lý – Trần – Hồ - Lê sơ. Văn minh Đại Việt phát triển rực rỡ, tính dân tộc được thể hiện rõ nét.
- Giai đoạn thế kỉ XVI – XIX: Văn hóa phát triển trong tình trạng đất nước không ổn định. Cũng trong giai đoạn này văn minh phương Tây du nhập vào nước ta tạo nên những yếu tố văn hóa mới.

II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU

1. Kinh tế:

a. Nông nghiệp:

- Các triều đại phong kiến đều chú trọng phát triển nông nghiệp lúa nước, khuyến khích nghề nông phát triển.
- Nhà nước đặt chức Hà đê sứ, Khuyến nông sứ để chăm lo việc đê điều
- Luật pháp cấm giết trâu bò để bảo vệ sức kéo
- Công cuộc khai hoang, mở rộng diện tích được tiến hành thường xuyên.

→ *Nguyên nhân phát triển:*.....
.....
.....
.....
.....

b. Thủ công nghiệp:

- Các nghề thủ công truyền thống: luyện kim, dệt, làm gốm, điêu khắc,...tiếp tục phát triển.
- Nhà nước lập các quan xưởng, tập trung thợ giỏi sản xuất tiền, vũ khí, áo mũ cho vua quan, thuyền chiến.
- Nghề mới ra đời, đạt nhiều thành tựu, như: làm tranh sơn mài, làm đường, giấy, đồng hồ...
- Các làng nghề thủ công ra đời: Gốm Bát Tràng, Chu Đậu, Thổ Hà.

- Nghề đóng tàu thuyền ra đời sớm, đạt trình độ cao. Thế kỉ XIX, quan xưởng nhà Nguyễn đóng được tàu thủy chạy bằng máy hơi nước.

-> Sự phát triển của thủ công nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước, vừa tạo ra những mặt hàng để trao đổi với thương nhân nước ngoài, từ đó thúc đẩy sự phát triển của cả nội thương và ngoại thương.

→ Nguyên nhân phát triển:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

c. Thương nghiệp:

- Các chợ làng, chợ huyện, chợ chùa mọc lên ở khắp nơi, là nơi nhân dân trao đổi sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp.

- Kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.

- Thời Lý - Trần đúc tiền kim loại, thời Hồ có tiền giấy.

- Hoạt động trao đổi buôn bán với nước ngoài phát triển với nhiều mặt hàng phong phú

- Các đô thị ra đời, phát triển như: Thăng Long, Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An, Sài Gòn, Đồng Nai...

➔ Một bộ phận dân cư tại đô thị đã tách khỏi hoạt động sản xuất, có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn chương và nghệ thuật, góp phần thay đổi đời sống văn hóa; lưu giữ và truyền bá các thành tựu văn minh Đại Việt.

→ Nguyên nhân phát triển:.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Chính trị

a. Tổ chức bộ máy nhà nước:

Thời Đinh- Tiền Lê:

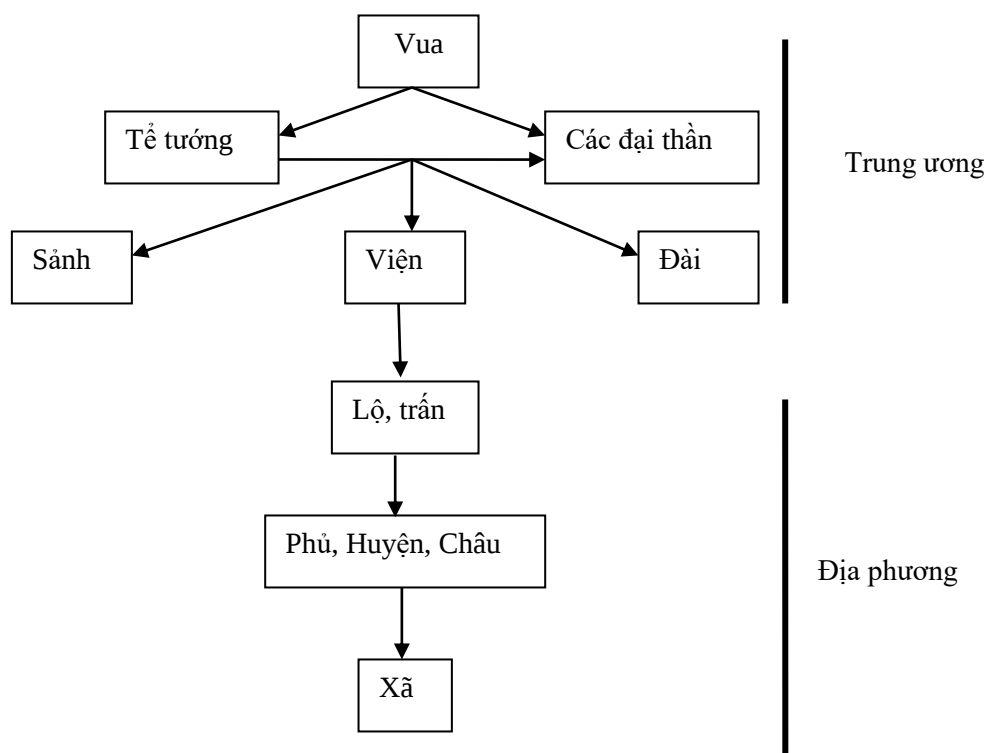
Trung ương: đứng đầu nước là vua, quan lại gồm 3 ban: Ban văn, ban võ và Tăng ban.

Hành chính: chia đất nước thành 10 đạo.

Quân đội: được tổ chức theo hướng chính quy.

➔ Nhà nước còn sơ khai, song đã là nhà nước độc lập tự chủ.

Thời Lý – Trần – Hồ:



Thời Lê Sơ:

- Năm 1428, sau khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, nhà Lê sơ được thành lập .
- Bộ máy nhà nước phong kiến dần kiện toàn, những năm 1460 vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn.

+ Trung ương:

Vua: có quyền lực tối cao.

Dưới vua là 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) và các cơ quan chuyên trách: *Ngự sử đài, Quốc sử viện, Hàn lâm viện...*

+ Địa phương:

Cả nước chia làm 13 đạo thừa tuyên, dưới là phủ, huyện, châu, xã.

Tuyển chọn quan lại: thi cử, tiền cử.

Quan lại, quý tộc sống nhờ bổng lộc của nhà nước.

➔ Nhà nước quân chủ chuyên chế đạt đến đỉnh cao, hoàn chỉnh.

b. Nhà nước Đại Việt lãnh đạo thành công các cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống (thế kỷ X, XI, Mông Nguyên (thế kỉ XIII).

c. Luật pháp:

Năm 1002, nhà Tiền Lê định luật lệ

Năm 1042: nhà Lý ban hành bộ “Hình thư” – bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.

Năm 1230 : Nhà Trần ban hành Hình luật.

Năm 1483, Lê Thánh Tông ban hành Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) – bộ luật tiến bộ nhất thời phong kiến Việt Nam.

Năm 1813, Nhà Nguyễn ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long).

=> Luật pháp nhằm bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, an ninh đất nước và một số quyền lợi chân chính của nhân dân.

3. Về tư tưởng, tôn giáo

a. Tư tưởng:

Tư tưởng yêu nước, thương dân đề cao trung quân, ái quốc, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ tổ quốc, quan tâm đến đời sống nhân dân.

b. Tín ngưỡng:

- Thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên, thờ Thành hoàng, các anh hùng, người có công với làng với nước tiếp tục được duy trì.
- Tinh thần cởi mở, hòa đồng tôn giáo tạo nên nếp sống nhân văn của người Việt.

c. Tôn giáo:

Phật giáo: Được du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc, Phật giáo phát triển cực thịnh vào thời Lý – Trần. Vua Trần Nhân Tông sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên tử, được tôn vinh là Phật hoàng.

Đạo giáo: phổ biến trong dân gian và được các triều đại phong kiến coi trọng.

Nho giáo: Phát triển gắn liền với hoạt động thi cử thời Lý, Trần. Đến thời Lê Sơ, Nho giáo giữ địa vị độc tôn, trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ, góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước.

Thiên Chúa giáo: Du nhập vào nước ta từ thế kỉ XVI, từng bước tạo nên những nét văn hóa mới trong cộng đồng người Việt.

4. Giáo dục, văn học

a. Giáo dục:

- Được nhà nước chăm lo, khuyến khích.
- Năm 1070, nhà Lý cho lập Văn Miếu.
- Năm 1075 mở khoa thi Quốc gia đầu tiên tuyển chọn nhân tài – Lê Văn Thịnh đỗ Trạng nguyên đầu tiên của nước ta.
- Năm 1076, xây dựng Quốc Tử Giám – Trường đại học đầu tiên của Việt Nam.
- Năm 1247, tổ chức kì thi Tam Khôi.
- Năm 1374, tổ chức kì thi Tiến sĩ.
- Giáo dục từng bước hoàn thiện, tổ chức các kỳ thi Hương, Hội, Đình, chọn Tiến sĩ, dựng bia tiến sĩ năm 1484.
- Từ thế kỉ XVI – XIX, giáo dục Nho học đóng vai trò chủ yếu đào tạo quan lại và nâng cao dân trí
- Có nhiều trí thức Nho học lớn: Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh, Nguyễn Bỉnh Khiêm....

➔ Giáo dục Đại Việt nhằm đào tạo người làm quan, người tài cho đất nước, nâng cao dân trí, song không tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

b. Chữ viết:

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm để ghi tiếng nói dân tộc, một số vị vua đề cao chữ Nôm như: Hồ Quý Ly, Quang Trung...
- Thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ ra đời từ sự cải tiến chữ La-tinh để ghi âm tiếng Việt và phát triển trở thành chữ viết chính thức của Việt Nam ngày nay.

c. Văn học:

- Văn học chữ Hán: chủ yếu là thơ, phú, hịch nhằm ca ngợi những chiến công oai hùng, cảnh đẹp quê hương đất nước ➔ thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Tiêu biểu như: Nam Quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ (Trần Hưng Đạo), Bình Ngô Đại cáo (Nguyễn Trãi); Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ)

.....

- Thế kỉ XVIII tiểu thuyết dạng chương, hồi rất phát triển, tiêu biểu là bộ: Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)...

- Văn học chữ Nôm: xuất hiện thế kỉ XIII, phát triển mạnh từ thế kỉ XVI – XIX với các nhà thơ như: Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, các truyện thơ theo thể lục bát như: Truyện Kiều (Nguyễn Du), Lục Vân tiên (Nguyễn Đình Chiểu)....
- Văn học dân gian tiếp tục phát triển mạnh trong các thế kỉ XVI – XVIII.

5. Khoa học

a. Sử học:

Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán. Nhiều bộ sử được biên soạn như Đại Việt sử ký (Lê Văn Hưu), Đại Việt sử ký toàn thư (Ngô Sĩ Liên), Đại Việt thông sử (Lê Quý Đôn), Đại Nam thực lục (Quốc sử quán triều Nguyễn).

b. Địa lí:

Có nhiều công trình khoa học về địa lí có giá trị to lớn như Dư địa chí (Nguyễn Trãi), Gia Định thành thông chí (Trịnh Hoài Đức)... là tài liệu quan trọng minh chứng Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam.

c. Toán học:

Có nhiều tác phẩm để lại giá trị cao như Lập thành toán pháp của Vũ Hữu. Đại thành toán pháp, Khai minh toán học của Lương Thế Vinh - nhà Toán học nổi tiếng của Đại Việt. Ông được nhân dân gọi là Trạng Lường.

d. Khoa học quân sự:

Nhà Hồ đã chế tạo được súng thần cơ. Nhà Tây Sơn chế tạo được các loại địa pháo, thuyền chiến. Nhà Nguyễn xây dựng các kiêu thành quách để phòng thủ đất nước. Các binh pháp như: Binh thư yếu lược (Trần Hưng Đạo), Hồ trướng khu cơ (Đào Duy Từ)

e. Y học:

Các danh y đã biên soạn nhiều bộ y thư có giá trị như Nam dược thần hiệu (Tuệ Tĩnh), Hải Thượng y tông tâm lĩnh (Lê Hữu Trác)..

6. Nghệ thuật

a. Âm nhạc:

- Phát triển với nhiều thể loại: múa rối nước, chèo, tuồng, hát ả đào...thời Lê, âm nhạc cung đình đóng vai trò quan trọng, gắn liền với quốc thể.
- Lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm: Tịch điền, thê Minh Thệ (14/01 âm - không tham những), Giỗ Tổ...

b. Kiến trúc – Điêu khắc:

Kiến trúc Phật giáo phát triển mạnh thời Lý - Trần như chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, vạc Phổ Minh...

Nhiều công trình vững chãi, quy mô lớn như Thành nhà Hồ, Lũy Thầy....

Nghệ thuật điêu khắc trên gốm đá độc đáo, phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc như tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, 18 pho tượng La Hán chùa Tây Phương.

III. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc:

1. Ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt:

Ưu điểm:

- Phát triển rực rỡ toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
- Tinh thần cố kết cộng đồng, đoàn kết
- Yếu tố xuyên suốt là truyền thống yêu nước, nhân ái, nhân văn

Hạn chế:

- Văn minh nông nghiệp, yếu tố đô thị mờ nhạt

- Tâm lí cào bằng, bình quân, do đó hạn chế sự sáng tạo của cá nhân
- Đời sống tinh thần còn nhiều hủ tục

2. Ý nghĩa;

- Khẳng định tinh thần dân tộc: trước những thách thức của tự nhiên, ngoại xâm, dân tộc Việt Nam đã xây dựng nên một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc
- Sự giao thoa văn hóa: những thành tựu văn minh Đại Việt là kết quả của sự kết hợp văn hóa dân tộc và bên ngoài tạo nên nền văn hóa đặc sắc riêng
 - Là nền tảng cho sự phát triển đất nước và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên hội nhập quốc tế